



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Auditing & Informatic Services Company Limited

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ban Tổng Giám Đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty cổ phần SONADEZI Châu Đức được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp "Công ty Cổ phần", mã số doanh nghiệp 4703000397, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ tư ngày 04 tháng 08 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Bên cạnh đó Công ty còn được cấp các giấy chứng nhận đầu tư sau:

- Giấy chứng nhận đầu tư số 49221000129 do Ban Quản lý các Khu Công Nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 09 năm 2008 về việc thực hiện dự án đầu tư: Khu Công Nghiệp Châu Đức
- Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000164 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2009 về việc thực hiện dự án đầu tư: Khu Đô Thị Châu Đức
- Giấy chứng nhận đầu tư số 38/BKH-GCNDTTN do Bộ Kế Hoạch và Đầu tư cấp, chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 11 năm 2010 về việc thực hiện dự án đầu tư đường 768 theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) trong nước.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

Hoạt động chính của Công ty: Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư; khảo sát, đo vẽ địa hình, khoan thăm dò địa chất; tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng; dịch vụ du lịch; kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở); kinh doanh cao ốc, văn phòng cho thuê, kho bãi; mua bán, cho thuê nhà xưởng; dịch vụ tư vấn bảo vệ môi trường.

Ngoài ra Công ty còn được bàn giao quản lý và khai thác trạm thu phí tuyến đường vào Nhà máy nước Thiện Tân từ Công ty TNHH MTV xây dựng và cấp nước Đồng Nai

Trụ sở chính: Số 113-114-115-116, Lô C2, Khu dân cư An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm 2011 của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Xuân Bách	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Hải	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Đức Thành	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Trưởng ban
Ông Hoàng Trọng Nghĩa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Phạm Xuân Bách	Tổng Giám Đốc
Ông Trương Thanh Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hòa Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Kế toán trưởng

4. Các thông tin khác

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

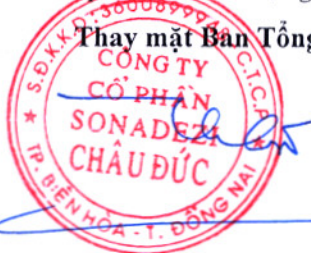
7. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám Đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc



PHẠM XUÂN BÁCH

Tổng Giám Đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 11.11.844 /AISC-DN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Kính gửi: **Ban Tổng Giám đốc.**
Công ty Cổ phần SONADEZI Châu Đức

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 15 tháng 03 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC từ trang 04 đến trang 26 kèm theo

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác và Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính có ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2012

KIỂM TOÁN VIÊN

Dương Thị Phương Anh

Số chứng chỉ KTV: 0321/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



Phạm Văn Vinh

Số chứng chỉ KTV: Đ0112 /KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		181.524.360.360	402.080.566.949
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	42.611.091.116	266.350.602.232
1. Tiền	111		9.411.091.116	5.207.402.232
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.200.000.000	261.143.200.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	11.000.000.000	-
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127.308.708.385	133.627.874.289
1. Phải thu của khách hàng	131	V.03	8.665.103.559	153.932.575
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	4.427.497.790	22.536.396.126
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.05	114.255.257.401	110.937.545.588
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(39.150.365)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	86.905.499	-
1. Hàng tồn kho	141		86.905.499	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		517.655.360	2.102.090.428
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		37.121.390	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		445.113.970	1.950.181.270
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	35.420.000	151.909.158

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		793.918.189.084	372.353.145.814
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		743.051.389.374	324.568.010.223
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	52.254.781.748	24.105.425.458
- Nguyên giá	222		63.045.940.844	32.681.377.715
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.791.159.096)	(8.575.952.257)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.616.222.303	3.317.476.722
- Nguyên giá	228		4.633.374.780	4.076.742.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.017.152.477)	(759.265.558)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	688.180.385.323	297.145.108.043
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		45.018.125.000	47.618.125.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	45.018.125.000	47.618.125.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.848.674.710	167.010.591
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	5.670.573.700	157.010.591
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263	V.14	178.101.010	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		975.442.549.444	774.433.712.763

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		212.607.608.316	27.864.565.006
I. Nợ ngắn hạn	310		73.666.768.656	26.934.263.726
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312	V.15	48.404.957.473	15.524.646.183
3. Người mua trả tiền trước	313		604.738.000	268.200.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	13.473.282.240	4.730.616.573
5. Phải trả người lao động	315		1.842.103.756	577.345.190
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1.872.372.059	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2.077.015.724	332.644.642
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.392.299.404	5.500.811.138
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		138.940.839.660	930.301.280
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	60.162.000.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	817.236.872
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		110.635.733	113.064.408
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		78.668.203.927	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		762.834.941.128	746.569.147.757
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	762.834.941.128	746.569.147.757
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.484.250.000	5.484.250.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		32.838.151	19.169.706
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.630.406.378	3.034.559.838
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.630.406.378	3.034.559.838
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.630.406.378	3.034.559.838
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		43.426.633.843	31.962.048.537
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		975.442.549.444	774.433.712.763

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

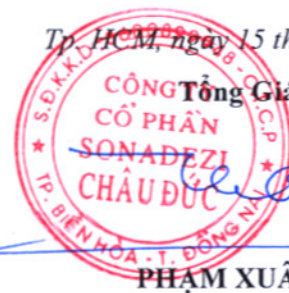
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		7,205.69	7,205.69
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA

Tp. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2012



Tổng Giám đốc

PHẠM XUÂN BÁCH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 25	44.652.123.769	7.938.240.295
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 27	44.652.123.769	7.938.240.295
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 28	9.280.488.050	3.585.725.752
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		35.371.635.719	4.352.514.543
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	29.362.921.887	52.075.282.754
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		941.739.186	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.534.252.236	14.686.973.013
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		45.258.566.184	41.740.824.284
11. Thu nhập khác	31	VI.31	5.065.934.047	8.600.000
12. Chi phí khác	32	VI.32	1.502.296.037	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.563.638.010	8.600.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		48.822.204.194	41.749.424.284
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.33	5.483.978.128	9.015.256.606
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	817.236.872
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		43.338.226.066	31.916.930.806
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		619	476

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA

Tp. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2012

Tổng Giám đốc



PHẠM XUÂN BÁCH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	48.822.204.194	41.749.424.284
2. Điều chỉnh cho các khoản :			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.704.419.773	4.082.395.653
- Các khoản dự phòng	03	39.150.365	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(32.592.511.937)	(51.658.680.282)
- Chi phí Lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi			
3. vốn lưu động	08	21.973.262.395	(5.826.860.345)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	7.901.571.997	(12.990.776.213)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	(86.905.499)	247.908.164
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	90.902.748.610	14.216.227.476
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	(5.550.684.499)	(77.420.381)
- Tiền Lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.057.337.831)	(9.645.651.943)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	51.717.209	(10.231.269)
- Tiền Chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(168.101.010)	(2.196.229.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	106.966.271.372	(16.283.033.811)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(393.336.140.469)	(280.406.567.068)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	4.727.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	(8.400.000.000)	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	29.072.920.383	48.389.732.793
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(367.935.947.359)	(232.016.834.275)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Năm 2011	Năm 2010
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	42.379.250.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	60.162.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.964.673.280)	(17.499.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	37.197.326.720	24.879.930.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50	(223.772.349.267)	(223.419.938.086)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	266.350.602.232	489.751.370.612
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	32.838.151	19.169.706
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	42.611.091.116	266.350.602.232

Tp. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA

Tổng Giám đốc



PHẠM XUÂN BÁCH